

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN ĐỊA LỚP 11 HỌC KÌ 2

Câu 1: Sản phẩm chuyên môn hóa của vùng Tây Nguyên chủ yếu là

- A. gia cầm. B. cây công nghiệp ngắn ngày.
C. Bò sữa. D. cây công nghiệp dài ngày.

Câu 2: Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết tỉnh nào của BTB chuyên canh về cây chè?

- A. Thanh Hóa. B. Quảng Trị. C. Nghệ An. D. Hà Tĩnh.

Câu 3: Ngành công nghiệp có vai trò quan trọng nhất ở Đông Nam Bộ hiện nay là

- A. công nghiệp khai thác dầu khí. B. công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.
C. công nghiệp dệt may. D. công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.

A. ngăn chặn nạn phá rừng.

B. khai thác rừng hợp lí đi đôi với khoanh nuôi, trồng rừng mới.

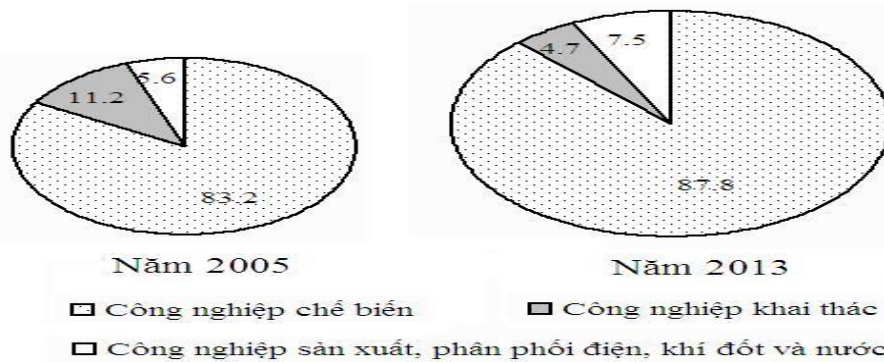
C. đẩy mạnh công tác chế biến gỗ tại địa phương, hạn chế xuất khẩu gỗ tròn.

D. đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng.

Câu 5: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, xác định tỉnh nào sau đây của Tây Nguyên vừa tiếp giáp với Campuchia vừa tiếp giáp với Lào

- A. Lâm Đồng. B. Đắk Nông. C. Gia Lai. D. Kon Tum.

Câu 6: Cho biểu đồ



CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP PHÂN THEO NHÓM NGÀNH

Nhận xét nào sau đây đúng với sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo nhóm ngành nước ta năm 2005 và 2013?

- A. Tăng tỉ trọng ngành công nghiệp khai thác.
B. Tăng tỉ trọng ngành công nghiệp chế biến.
C. Ngành khai thác luôn có tỉ trọng nhỏ nhất.
D. Ngành sản xuất phân phối điện, khí đốt và nước ổn định.

Câu 7: Hai hệ thống con sông nào là nguồn cung cấp phù sa cho Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Sông Rạch Miễu, sông Hậu. B. Sông Tiền, Sông Cái.
C. Sông Vàm Cỏ, sông Cửu Long. D. Sông Tiền và sông Hậu.

Câu 8: Sản lượng bình quân lương thực ở Bắc Trung Bộ là 348 kg/người thuộc loại

- A. Thấp. B. Trung bình. C. Khá. D. Cao.

Câu 9: Nét đặc trưng về vị trí địa lí của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. có cửa ngõ giao lưu với thế giới. B. giáp hai vùng kinh tế, giáp biển.
C. có biên giới chung với hai nước, giáp biển. D. giáp Lào, giáp biển.

Câu 10: Đây không phải là đặc điểm hoạt động nội thương của nước ta thời kì sau Đổi mới

- A. đã hình thành hệ thống chợ có quy mô lớn bên cạnh hệ thống chợ quê.
B. cả nước có một thị trường thống nhất, tự do lưu thông hàng hoá.
C. hàng hoá ngày càng đa dạng, chất lượng ngày càng được nâng lên.
D. đáp ứng ngày càng cao nhu cầu hàng hoá cho người dân.

Câu 12: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, cho biết vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ gồm mấy tỉnh?

- A. 15 tỉnh. B. 16 tỉnh. C. 14 tỉnh. D. 13 tỉnh.

Câu 13: Đường dây 500 KV nối

- A. Hoà Bình - Phú Lâm. B. Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh.
C. Lạng Sơn - Cà Mau. D. Hoà Bình - Cà Mau.

Câu 14: Loại khoáng sản có giá trị nhất ở đồng bằng sông Hồng là

- A. Sét Cao lanh và than nâu. B. Đá vôi và sét Cao lanh.
C. Sét Cao lanh và khí đốt. D. Than nâu và đá vôi.

Câu 15: Cho bảng số liệu sau:

CƠ CẤU KINH TẾ THEO NGÀNH CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

(Đơn vị %)

Năm	1990	1995	2000	2010
Nông- Lâm- Ngư	45,6	32,6	29,1	12,6
Công nghiệp- xây dựng	22,7	25,4	27,5	43,8
Dịch vụ	31,7	42,0	43,4	43,6

Chọn dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng từ 1990- 2010.

- A. Biểu đồ đường. B. Biểu đồ cột chồng. C. Biểu đồ tròn. D. Biểu đồ miền.

Câu 16: Phân hoá học là sản phẩm của ngành công nghiệp

- A. sản xuất công cụ lao động. B. năng lượng.
C. vật liệu. D. chế biến và hàng tiêu dùng.

Câu 17: Ở Duyên hải Nam Trung Bộ, đồng bằng nổi tiếng màu mỡ là

- A. Quảng Nam. B. Phú Yên. C. Quảng Ngãi. D. Bình Định.

Câu 18: Vùng Tây Nguyên có diện tích là 54 641 km², dân số năm 2014 là 5 525 800 người, mật độ dân số trung bình bao nhiêu người/ km²?

- A. 110 người/km². B. 103 người/km². C. 101 người/km². D. 104 người/km².

Câu 19: Đây là hai thành phố được nối với nhau bằng đường sắt

- A. Vũng Tàu - Thành phố Hồ Chí Minh. B. Đà Lạt - Đà Nẵng.
C. Hải Phòng - Hạ Long. D. Hà Nội - Thái Nguyên.

Câu 20: Khu vực có tỉ trọng giảm liên tục trong cơ cấu sử dụng lao động của nước ta là

- A. Công nghiệp. B. Nông, lâm nghiệp. C. Xây dựng. D. Thủy sản.

Câu 21: Thành tựu có ý nghĩa nhất của nước ta trong thời kì Đổi mới là

- A. phát triển nông nghiệp với việc sản xuất lương thực.
B. sự phát triển nhanh của ngành chăn nuôi.
C. công nghiệp phát triển mạnh.
D. đẩy mạnh phát triển cây công nghiệp để xuất khẩu.

Câu 22: Ý nào sau đây không đúng với đặc trưng của nền nông nghiệp hàng hóa? A. Năng xuất lao động cao.

- B. Người sản xuất quan tâm nhiều đến sản lượng.
C. Sản xuất quy mô lớn, sử dụng nhiều máy móc.
D. Sản xuất hàng hóa, chuyên môn hóa.

Câu 23: Dựa vào Atlas trang 21, trung tâm công nghiệp Vinh bao gồm các ngành nào sau đây ?

- A. Điện tử, dệt may, đóng tàu, chế biến nông sản.
B. Sản xuất giấy xenlulo, luyện kim đen, đóng tàu.
C. Luyện kim màu, hoá chất phân bón, chế biến thực phẩm.
D. Cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản.

Câu 24: Dựa vào Atlas trang 27, cho biết khu kinh tế ven biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào của Bắc Trung Bộ?

- A. Thanh Hóa. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Thừa Thiên Huế. **Câu 25:** Đây là một trong những đặc điểm chủ yếu của sản xuất lương thực nước ta trong thời gian qua

- A. sản lượng lương thực tăng nhanh nhờ hoa màu đã trở thành cây hàng hoá chiế m trên 20% sản lượng lương thực.
B. đồng bằng sông Cửu Long là vùng dẫn đầu cả nước về diện tích, năng suất và sản lượng lúa.

C. sản lượng lúa tăng nhanh nhờ mở rộng diện tích và đẩy mạnh thâm canh nhất là đẩy mạnh thâm canh.

D. nước ta đã trở thành quốc gia dẫn đầu thế giới về xuất khẩu gạo, mỗi năm xuất trên 4,5 triệu tấn. **Câu 26:** Vấn đề nổi bật trong việc sử dụng đất nông nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

A. đắp đê ngăn lũ.

B. khai thác mặt nước nuôi trồng thủy sản.

C. hạn chế việc chuyển đổi đất nông nghiệp sang mục đích khác.

D. chống cát bay, cát chảy lấn chiếm ruộng vườn.

Câu 27: Ở nước ta, vùng có nhiều khu công nghiệp tập trung nhất là

A. đồng bằng sông Cửu Long.

B. Duyên hải miền Trung.

C. Đông Nam Bộ.

D. đồng bằng sông Hồng.

Câu 28: Ý nào sau đây **không đúng** với tài nguyên thiên nhiên của vùng Tây Nguyên?

A. Khí hậu đa dạng, rừng còn nhiều. B. Đất đai màu mỡ.

C. Trữ năng thủy điện tương đối lớn. D. Nhiều tài nguyên khoáng sản.

Câu 29: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, các vườn quốc gia nào thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long?

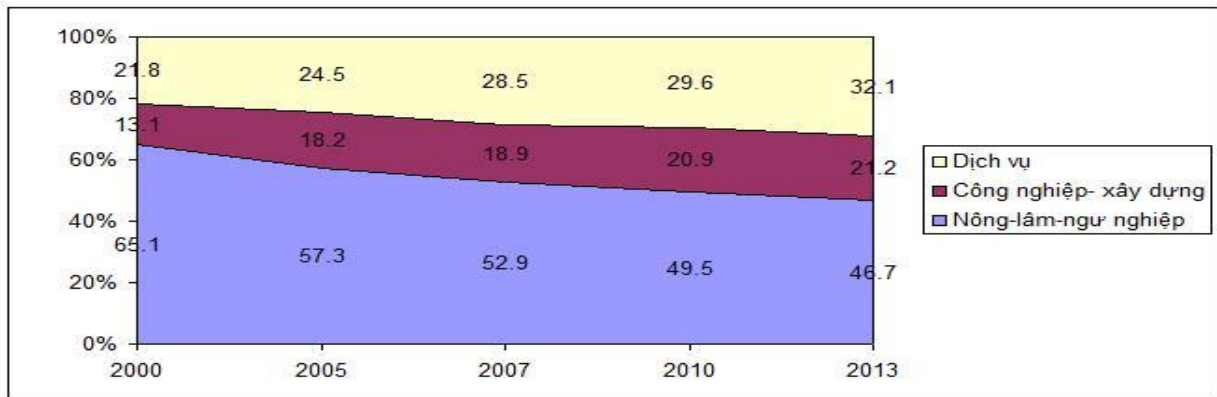
A. Tràm Chim, Đất Mũi, Phú Quốc, U Minh Thượng.

B. Đất Mũi, Côn Đảo, Bạch Mã, Kiên Giang.

C. U Minh Thượng, Cát Bà, Núi Chúa, An Giang.

D. Phú Quốc, Bù Gia Mập, Cát Tiên, An Giang.

Câu 30: Cho biểu đồ



Cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế giai đoạn 2000 - 2013

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên ?

A. Cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế ổn định.

B. Tăng tỉ trọng lao động khu vực nông – lâm – ngư nghiệp.

C. Giảm tỉ trọng lao động khu vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ.

D. Tỉ trọng lao động ở khu vực dịch vụ tăng chậm hơn công nghiệp – xây dựng

Câu 31: Hiện tượng bùng nổ dân số của nước ta xảy ra vào

A. cuối thế kỉ XX. B. đầu thế kỉ XX. C. cuối thế kỉ XIX. D. đầu thế kỉ XXI.

Câu 32: Các vườn quốc gia như Cúc Phương, Bạch Mã, Nam Cát Tiên thuộc loại

A. rừng đặc dụng. B. rừng sản xuất. C. rừng khoanh nuôi. D. rừng phòng hộ.

Câu 33: Cho bảng số liệu:

Vùng	Diện tích (nghìn ha)		Sản lượng (nghìn tấn)	
	2005	2014	2005	2014
Đồng bằng sông Hồng	1186,1	1122,7	6398,4	7175,2
Đồng bằng sông Cửu Long	3826,3	4249,5	19298,5	25475,0

Cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** về diện tích và sản lượng lúa cả năm của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Đồng bằng sông Hồng: diện tích giảm, sản lượng tăng.

B. Đồng bằng sông Cửu Long tăng sản lượng lớn hơn Đồng bằng sông Hồng.

C. Đồng bằng sông Cửu Long: diện tích tăng, sản lượng tăng.

D. Đồng bằng sông Cửu Long: tốc độ tăng diện tích nhanh hơn sản lượng.

Câu 34: Đông Nam Bộ không giáp với vùng nào?

- A. Tây Nguyên. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 35: Đây là một trong những ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay

- A. Hoá chất - phân bón - cao su. B. Chế biến gỗ và lâm sản.
C. Sành - sứ - thuỷ tinh. D. Luyện kim.

Câu 36: Nhà máy điện chạy bằng dầu có công suất lớn nhất hiện nay là

- A. Phả Lại. B. Hoà Bình. C. Hiệp Phước. D. Phú Mỹ.

Câu 37: Căn cứ vào Atlas trang 14, hai cao nguyên nằm ở phía bắc Tây Nguyên là

- A. Mơ Nông, Đắk Lắk. B. Kon Tum, Pleiku. C. Lâm Viên, Di Linh. D. Di Linh, Mơ Nông.

Câu 38: Tỉnh nào có điều kiện thuận lợi nhất để phát triển nghề cá?

- A. Hà Tĩnh. B. Huế. C. Quảng Bình. D. Nghệ An.

Câu 39: Dựa vào Atlas trang 27, ngành chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP ở vùng Bắc Trung Bộ

- A. nông, lâm nghiệp, thuỷ sản. B. kinh tế biển.
C. dịch vụ. D. công nghiệp và xây dựng.

Câu 40: Trung du và miền núi Bắc Bộ là địa bàn cư trú chủ yếu của dân tộc ít người

- A. Tày, Ba Na, Hoa. B. Thái, Vân Kiều, Dao.
C. Tày, Nùng, M'ông. D. Tày, Nùng, Mông.

Câu 9: Hàng nhập khẩu chiếm tỉ trọng cao nhất ở nước ta hiện nay là

- A. lương thực, thực phẩm. B. nguyên, nhiên vật liệu.
C. máy móc thiết bị. D. hàng tiêu dùng.

Câu 10: Yếu tố tự nhiên nào quyết định đến việc phát triển thế mạnh trồng rau quả cận nhiệt và ôn đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ ?

- A. Đất feralit màu mỡ.
B. Lượng mưa, độ ẩm lớn.
C. Địa hình đồi núi là chủ yếu.
D. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

Câu 11: Vùng có số lượng trang trại nhiều nhất của nước ta hiện nay là

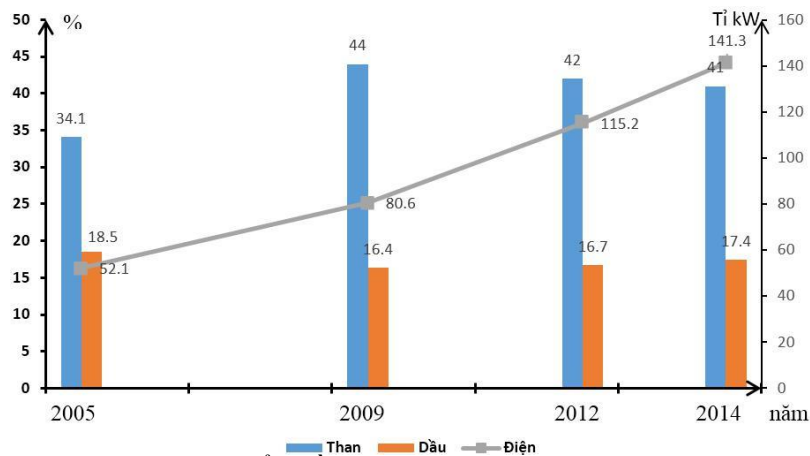
- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Đông Nam Bộ.
C. Tây Nguyên. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 12: Loại khoáng sản có trữ lượng hàng tỉ tấn ở Tây Nguyên là

- A. Mangan. B. Crôm. C. Bôxit. D. Sắt.

Câu 13: Cho biểu đồ sau

Sản lượng than, điện và dầu mỏ của nước ta



Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Than và dầu mỏ có xu hướng biến động giống nhau.
B. Sản lượng điện tăng nhanh và ổn định.
C. Sản lượng dầu mỏ không có biến động.

D. Sản lượng than đang có xu hướng tăng.

Câu 15: Dân số nước ta

A. đang trong giai đoạn bão hòa.

B. đang trong tình trạng phục hồi.

C. đang có xu hướng già hóa.

D. đang có xu hướng trẻ hóa.

Câu 16: Sân bay quốc tế của vùng duyên hải Nam Trung Bộ là

A. Cam Ranh.

B. Đà Nẵng.

C. Quy Nhơn.

D. Chu Lai.

Câu 17: Bên cạnh các nông trường quốc doanh trồng cà phê, hồ tiêu,..thì Tây Nguyên còn phát triển rộng rãi mô hình

A. kinh tế hộ gia đình.

B. kinh tế vườn.

C. kinh tế quy mô lớn.

D. kinh tế theo mô hình quản lý tập trung.

Câu 18: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, xác định các tỉnh thuộc vùng Tây Bắc nước ta

A. Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hà Giang.

B. Sơn La, Hòa Bình, Lào Cai, Yên Bái.

C. Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình.

D. Sơn La, Điện Biên, Phú Thọ, Hà Giang.

Câu 19: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, vùng Bắc Trung Bộ có

A. 5 tỉnh

B. 6 tỉnh

C. 7 tỉnh

D. 8 tỉnh.

Câu 20: Hạn chế lớn nhất của sự tăng trưởng kinh tế nước ta trong thời gian qua là

A. tăng trưởng với tốc độ chậm.

B. tăng trưởng không đều giữa các ngành.

C. tăng trưởng không ổn định.

D. tăng trưởng chủ yếu theo bề rộng.

A. người sản xuất quan tâm nhiều tới sản lượng.

B. phần lớn sản phẩm là để tiêu dùng tại chỗ.

C. người nông dân quan tâm nhiều hơn tới thị trường tiêu thụ sản phẩm do họ sản xuất ra.

D. mỗi cơ cấu sản xuất, mỗi địa phương đều sản xuất nhiều loại sản phẩm.

Câu 22: Đồng bằng sông Hồng do phù sa của sông nào bồi đắp?

A. Hồng và Thái Bình.

B. Hồng và Cả.

C. Hồng và Mã.

D. Hồng và Đà.

Câu 23: Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết các cảng biển: Vũng Áng, Chân Mây lần lượt thuộc về các tỉnh ở Bắc Trung Bộ là

A. Hà Tĩnh, Thừa Thiên – Huế.

B. Thừa Thiên – Huế, Hà Tĩnh.

C. Thanh Hóa, Thừa Thiên – Huế.

D. Nghệ An, Thừa Thiên – Huế.

Câu 24: Nhân tố có ý nghĩa hàng đầu tạo nên những thành tựu to lớn của ngành chăn nuôi nước ta trong thời gian qua là

A. nguồn thức ăn cho chăn nuôi ngày càng được bảo đảm tốt hơn.

B. thú y phát triển đã ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh.

C. nhiều giống gia súc gia cầm có chất lượng cao được nhập nội.

D. nhu cầu thị trường trong và ngoài nước ngày càng tăng.

Câu 25: Trong việc sử dụng đất ở đồng bằng sông Hồng thì quan trọng nhất là vấn đề

A. thâm canh tăng vụ.

B. cải tạo diện tích đất hoang hoá.

C. quy hoạch lại diện tích đất thổ cư.

D. tận dụng các diện tích mặt nước.

Câu 26: Đây là khu vực chiếm tỉ trọng rất nhỏ nhưng lại tăng rất nhanh trong cơ cấu sử dụng lao động của nước ta

A. Ngư nghiệp.

B. Quốc doanh.

C. Có vốn đầu tư nước ngoài.

D. Xây dựng.

Câu 27: Các tỉnh không thuộc Đồng bằng sông Cửu Long là

A. Tây Ninh, Đồng Nai.

B. Bạc Liêu, Cà Mau.

C. Đồng Tháp, Kiên Giang.

D. An Giang, Long An.

Câu 28: Đây là tỉnh có ngành thủy sản phát triển toàn diện cả khai thác lẫn nuôi trồng

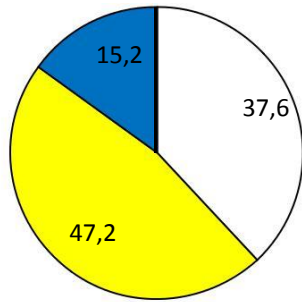
A. Cà Mau.

B. Đồng Tháp.

C. Bà Rịa - Vũng Tàu.

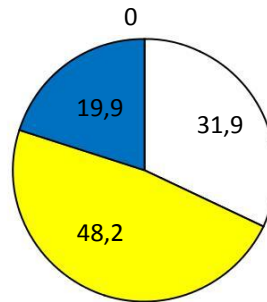
D. An Giang.

Câu 29: Cho biểu đồ:



Năm 2005

- Nhà nước
- Ngoài Nhà nước
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài



Năm 2014

- Nhà nước
- Ngoài Nhà nước
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài

Cơ cấu GDP theo thành phần kinh tế năm 2005 và 2014 (%)

Căn cứ vào biểu đồ, hãy cho biết nhận xét nào dưới đây đúng về sự chuyển dịch cơ cấu GDP theo thành phần kinh tế trong giai đoạn 2005 – 2014?

- A. Khu vực kinh tế Nhà nước luôn chiếm tỉ trọng thấp nhất và có xu hướng giảm.
- B. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng thể hiện ưu thế tuyệt đối trong cơ cấu kinh tế.
- C. Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước luôn chiếm tỉ trọng cao nhất và có xu hướng tăng.
- D. Khu vực kinh tế có biến động nhiều nhất về tỉ trọng là khu vực ngoài Nhà nước.

Câu 30: Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản của cả nước và đồng bằng sông Cửu Long (Đơn vị: triệu tấn)

Vùng	1995	2000	2002	2005
Cả nước	1,58	2,25	2,64	3,47
Đồng bằng sông Cửu Long	0,82	1,17	1,36	1,85

Dạng biểu đồ thích hợp nhất so sánh sản lượng thủy sản của đồng bằng sông Cửu Long với cả nước là

- A. Biểu đồ miền.
- B. Biểu đồ cột.
- C. Biểu đồ tròn.
- D. Biểu đồ đường.

Câu 31: Đây là một trong những đặc điểm của mạng lưới đường ô tô của nước ta

- A. hơn một nửa đã được trải nhựa.
- B. về cơ bản đã phủ kín các vùng.
- C. mật độ thuộc loại cao nhất khu vực.
- D. chủ yếu chạy theo hướng Bắc - Nam.

Câu 32: Tỉnh Lâm Đồng nằm trong vùng công nghiệp

- A. Số 6.
- B. Số 4.
- C. Số 5.
- D. Số 3.

Câu 1: Dựa vào Atlas trang 28, tỉ trọng GDP của từng vùng Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long so với GDP cả nước năm 2007 tương ứng là

- A. 30,3 % và 15,6%.
- B. 29,3% và 14,6%.
- C. 31,3 % và 16,6%.
- D. 32,3% và 17,6%.

Câu 2: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, cho biết thiếc và bôxít tập trung chủ yếu đâu?

- A. Yên Bái.
- B. Lai Châu.
- C. Cao Bằng.
- D. Lào Cai.

Câu 3: Sau người kinh, các dân tộc có số lượng lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. Khơ me, Chăm, Hoa .
- B. Mông, Dao, Khơ-mú.
- C. Thái, Mường, Tày .
- D. Gia-rai, Ê-đê, Ba-na.

Câu 4: Cảng nước sâu đang được đầu tư xây dựng, hoàn thiện ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. Chân Mây.
- B. Qung Quát.
- C. Đà Nẵng.
- D. Quy Nhơn.

Câu 5: Từ 1990 đến nay, giai đoạn nước ta có tốc độ tăng trưởng cao nhất là

- A. 1997 - 1998.
- B. 1994 - 1995.
- C. Hiện nay.
- D. 1990 - 1992.

Câu 6: Tỉnh nào ở Tây Nguyên có diện tích trồng chè lớn nhất nước?

- A. Đắk Lắk.
- B. Lâm Đồng.
- C. Kon Tum.
- D. Gia Lai.

Câu 7: Đây là điểm khác nhau trong điều kiện sinh thái nông nghiệp giữa Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long

- A. nguồn nước. B. đất đai. C. khí hậu. D. địa hình.
- Câu 8:** Khoáng sản nào sau đây không tập trung nhiều ở Trung du và miền núi Bắc bộ?
 A. Bôxít. B. Sắt. C. Pyrit D. Đồng.
- Câu 9:** Đường quốc lộ 1A không đi qua thành phố này
 A. Cần Thơ. B. Việt Trì. C. Thanh Hoá. D. Biên Hoà.
- Câu 10:** Rừng phòng hộ của vùng Bắc Trung bộ chiếm (%)
 A. 47. B. 34. C. 16. D. 50.
- Câu 11:** Tỉnh nào sau đây không thuộc vùng trung du và miền núi Bắc Bộ?
 A. Hải Dương. B. Hà Giang. C. Tuyên Quang. D. Thái Nguyên.
- Câu 12:** Năm 2005, kim ngạch xuất khẩu của nước ta là 32 441 triệu USD, kim ngạch nhập khẩu là

36978 triệu USD. Số liệu nào sau đây chưa chính xác ?

A. Nước ta nhập siêu 4537 triệu USD. B. Cơ cấu xuất nhập khẩu là 46,7% và 53,3%. C. Tỷ lệ xuất nhập khẩu là 87,7%. D. Cán cân xuất nhập khẩu là 4537 triệu USD. **Câu 13:** Hướng chuyên môn hoá của tuyến công nghiệp Đáp Cầu - Bắc Giang là A. Vật liệu xây dựng và cơ khí. B. Hoá chất và vật liệu xây dựng. C. Dệt may, xi măng và hoá chất. D. Cơ khí và luyện kim.

Câu 14: Dựa vào Atlas trang 27, các trung tâm công nghiệp theo thứ tự từ Bắc vào Nam là
 A. Bim Sơn, Huế, Thanh Hóa, Vinh. B. Vinh, Huế, Bim Sơn, Thanh Hóa.
 C. Bim Sơn, Thanh Hóa, Vinh, Huế. D. Thanh Hóa, Vinh, Huế, Bim Sơn.

Câu 15: Căn cứ vào Atlas trang 24, hãy cho biết Tây Nguyên, tỉnh có tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo đầu người thấp nhất (dưới 4 triệu đồng / người) là
 A. Lâm Đồng. B. Kon Tum. C. Đắk Nông. D. Gia Lai.

Câu 16: Vùng có tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm lớn nhất là
 A. Tây Nguyên. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
 C. Đồng bằng sông Hồng. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 17: Vùng có tỉ lệ thất nghiệp thấp hơn mức trung bình của cả nước là
 A. Tây Bắc. B. Tây Nguyên.
 C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đông Bắc.

Câu 18: Chiếm tỉ trọng cao nhất trong nguồn thịt của nước ta là
 A. thịt bò. B. thịt trâu. C. thịt lợn. D. thịt gia cầm.

Câu 19: Đây là điểm khác nhau giữa các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc và các nhà máy nhiệt điện ở miền Nam

- A. các nhà máy ở miền Bắc được xây dựng sớm hơn các nhà máy ở miền Nam.
 B. miền Bắc nằm gần vùng nguyên liệu, miền Nam gần các thành phố.
 C. các nhà máy ở miền Nam thường có quy mô lớn hơn.
 D. miền Bắc chạy bằng than, miền Nam chạy bằng dầu hoặc khí.

Câu 20: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, cho biết tỉnh nào sau đây **không thuộc** vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Hải Dương. B. Tuyên Quang. C. Thái Nguyên. D. Hà Giang.

Câu 21: Cho biểu đồ

Cơ cấu hành khách vận chuyển phân theo thành phần kinh tế

--	--

Hãy cho biết nhận xét nào sau đây không đúng với các biểu đồ trên?

- A. Cơ cấu hành khách vận chuyển phân theo thành phần kinh tế ít có sự thay đổi.
- B. Tăng tỉ trọng hành khách vận chuyển ở ở thành phần kinh tế ngoài Nhà nước.
- C. Giảm tỉ trọng hành khách vận chuyển ở ở thành phần kinh tế Nhà nước.
- D. Hành khách vận chuyển ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có tỉ trọng rất nhỏ.

Câu 22: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, những vùng nuôi nhiều bò ở nước ta là

- A. Tây Nguyên, Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ, Đồng bằng sông Hồng và Tây Nguyên.
- C. Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.
- D. Bắc Trung Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.

Câu 23: Đây là đặc điểm của một khu công nghiệp tập trung

- A. ranh giới mang tính quy ước, không gian lãnh thổ khá lớn.
- B. thường gắn liền với một điểm dân cư, có vài xí nghiệp.
- C. có phân định ranh giới rõ ràng, không có dân cư sinh sống.
- D. thường gắn liền với một đô thị vừa hoặc lớn.

Câu 24: Trong cơ cấu hộ nông thôn theo ngành sản xuất chính, hộ chiếm tỉ trọng lớn nhất là

- A. Dịch vụ.
- B. Nông-lâm-thủy sản.
- C. Công nghiệp-xây dựng.
- D. Hộ khác.

Câu 25: Tỉnh trọng điểm về nghề cá ở Bắc Trung Bộ là

- A. Thanh Hóa.
- B. Hà Tĩnh.
- C. Quảng Bình.
- D. Nghệ An.

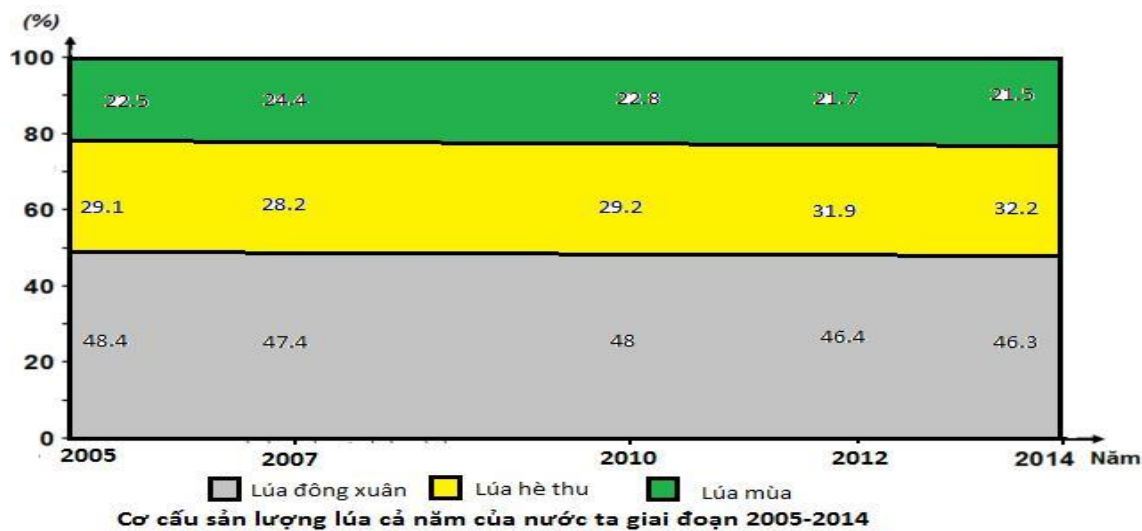
Câu 26: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu trong khu vực I của đồng bằng sông Hồng là

- A. tăng tỉ trọng ngành trồng trọt và chăn nuôi, giảm tỉ trọng ngành thủy sản.
- B. tăng tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.
- C. giảm tỉ trọng của ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng của ngành chăn nuôi và thủy sản.
- D. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi, giảm tỉ trọng ngành thủy sản.

Câu 27: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết ở Đồng bằng sông Cửu Long có các khu kinh tế ven biển nào sau đây?

- A. Định An, Năm Căn, Phú Quốc.
- B. Định An, Năm Căn, Nhơn Hội.
- C. Định An, Năm Căn, Vân Phong.
- D. Định An, Năm Căn, Dung Quất.

Câu 28: Cho biểu đồ sau



Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Sản lượng lúa đông xuân có tỉ trọng nhỏ nhất.
- B. Sản lượng lúa hè thu có tỉ trọng nhỏ nhất.
- C. Sản lượng lúa mùa có tỉ trọng đứng thứ 2.
- D. Sản lượng lúa đông xuân có tỉ trọng lớn nhất.

- A. trồng cây lương thực.
- B. trồng cây công nghiệp hàng năm.
- C. trồng cây công nghiệp lâu năm.
- D. trồng cây ăn quả.

Câu 30: Khả năng mở rộng diện tích đất nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng hiện nay là

- A. không thể mở rộng được.
- B. còn nhiều khả năng.
- C. khoảng 10 nghìn ha đất hoang hoá có thể cải tạo được.
- D. rất hạn chế.

Câu 31: Trữ năng thủy điện tương đối lớn của Tây Nguyên trên các sông

- A. Đà Rằng, Thu Bồn, Trà Khúc.
- B. Đồng Nai, Xê Xan, Đà Rằng.
- C. Xrê Pôk, Đồng Nai, Trà Khúc.
- D. Xê Xan, Xrê Pôk, Đồng Nai.

Câu 32: Nghề nuôi cá tra, cá ba sa trong lồng rất phát triển ở tỉnh

- A. Đồng Tháp.
- B. An Giang.
- C. Kiên Giang.
- D. Cà Mau.

Câu 1: Việc hình thành các vùng chuyên canh ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long thể hiện xu hướng

- A. tăng cường sự phân hoá lãnh thổ sản xuất.
- B. tăng cường chuyên môn hoá sản xuất.
- C. tăng cường tình trạng độc canh.
- D. đẩy mạnh đa dạng hoá nông nghiệp.

Câu 2: Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết đảo Côn Cỏ thuộc tỉnh nào của bắc Trung Bộ?

- A. Thanh Hóa.
- B. Quảng Trị.
- C. Quảng Bình.
- D. Hà Tĩnh.

Câu 3: Ý nào không đúng với vùng Đông Nam Bộ

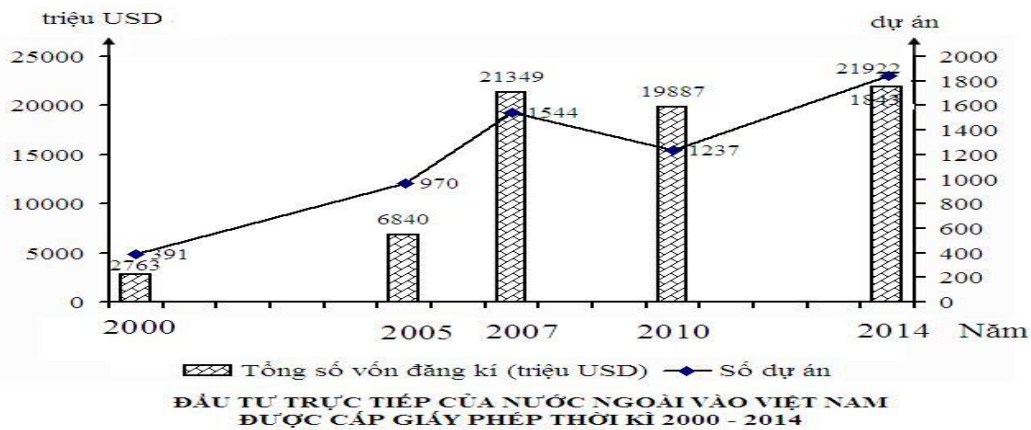
- A. giá trị sản lượng công nghiệp lớn nhất cả nước.
- B. cơ cấu kinh tế tiên bộ nhất cả nước.
- C. vùng kinh tế năng động nhất cả nước.
- D. giá trị sản lượng nông nghiệp lớn nhất cả nước.

- A. Có nền kinh tế hàng hóa phát triển muộn hơn so với vùng Đồng bằng sông Hồng.
- B. Cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ phát triển hơn so với các vùng khác trong cả nước.
- C. Nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao.
- D. Đang sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên.

Câu 5: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, tỉnh nào **không thuộc** vùng Đông Nam Bộ?

- A. Bình Phước.
- B. Long An.
- C. Đồng Nai.
- D. Tây Ninh.

Câu 6: Cho biểu đồ



Hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Tổng số vốn đăng kí tăng chậm hơn số dự án.
- B. Tổng số vốn đăng kí và số dự án tăng ổn định.
- C. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam tăng không ổn định.
- D. Quy mô của các dự án giảm mạnh đến năm 2010, sau đó lại tăng.

Câu 7: Ưu thế về tự nhiên của đồng bằng sông Cửu Long so với đồng bằng sông Hồng thể hiện ở

- A. nguồn nhiệt ẩm cao.
- B. nhiều sông ngòi.
- C. đất phù sa màu mỡ.
- D. diện tích lớn.

Câu 8: Ở Bắc Trung Bộ, chè được trồng nhiều ở

- A. Quảng Bình.
- B. Nghệ An.
- C. Thanh Hóa.
- D. Quảng Trị.

Câu 9: Trữ năng thủy điện trên hệ thống sông Hồng chiếm hơn

- A. 1/3. B. 2/3. C. 1/2 D. 3/4

Câu 10: Dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu 17 mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta hiện nay là
A. Dầu thô. **B.** hàng thủy sản. **C.** Gạo. **D.** hàng may mặc. **Câu 11:** Diện tích tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm diện tích tự nhiên cả nước?

- A. 20,5%. B. 30,5%. C. 40,5%. D. 50,5%.

Câu 12: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, cho biết khoáng sản nào sau đây không tập trung nhiều ở Trung du và miền núi Bắc bộ?

- A. Bôxít. B. Pyrit C. Đồng. D. Sắt.

Câu 13: Nhà máy thủy điện có công suất lớn đang được xây dựng ở Nghệ An là

- A. Bản Mai. B. A Vương. C. Cản Đơn. D. Đại Ninh.

Câu 14: Vấn đề quan trọng hàng đầu của Đồng bằng sông Hồng cần giải quyết là

- A. thiên tai khắc nghiệt. B. dân số đông.
 C. đất nông nghiệp khan hiếm. D. tài nguyên không nhiều.

Câu 15: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, cho biết các nhà máy thủy điện đã và đang xây dựng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- A. Hòa Bình, Trị An, Sơn La. B. Đa Nhim, Thác Bà, Sơn La.
 C. Hòa Bình, Thác Bà, Sơn La. D. Hòa Bình, Thác Bà, Trị An.

Câu 16: Khu vực hiện chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản lượng công nghiệp của nước ta là

- A. Tư nhân và cá thể. B. Quốc doanh.
 C. Tập thể. D. Có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 17: Các tuyến đường Bắc – Nam chạy qua vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. quốc lộ 1A, đường 14. B. quốc lộ 1A, đường sắt Bắc – Nam.
 C. quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh. D. đường Hồ Chí Minh, đường sắt Bắc-Nam.

Câu 18: Dựa vào Atlas trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác cao nhất ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quảng Ngãi. B. Khánh Hòa. C. Bình Thuận. D. Bình Định. **Câu 19:** Hạn chế

lớn nhất của ngành vận tải đường sông của nước ta là

- A. bị hiện tượng sa bồi và sự thay đổi thất thường về độ sâu luồng lạch.
 B. lượng hàng hoá và hành khách vận chuyển ít, phân tán.
 C. chỉ phát triển chủ yếu ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.
 D. sông ngòi có nhiều ghềnh thác, chảy chủ yếu theo hướng tây bắc - đông nam.

Câu 20: Việc tập trung lao động quá đông ở đồng bằng

- A. tạo thuận lợi cho việc phát triển các ngành có kĩ thuật cao.
 B. tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm ở đồng bằng rất lớn.
 C. giảm bớt tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm ở miền núi.
 D. gây cản trở cho việc bố trí, sắp xếp, giải quyết việc làm.

Câu 21: Thành phần kinh tế nào ở nước ta giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế?

- A. Kinh tế tập thể. B. Kinh tế Nhà nước.
 C. Kinh tế tư nhân. D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 22: Từ 2001 đến 2006, cơ cấu hộ theo ngành sản xuất chính có sự thay đổi theo hướng

- A. tăng tỉ lệ hộ dịch vụ, hộ khác và giảm tỉ lệ hộ nông-lâm-ngư nghiệp, công nghiệp-xây dựng.
 B. tăng tỉ lệ hộ nông-lâm-ngư nghiệp, công nghiệp-xây dựng, và giảm tỉ lệ hộ dịch vụ, hộ khác.
 C. tăng tỉ lệ hộ công nghiệp-xây dựng, dịch vụ, và giảm tỉ lệ hộ nông-lâm-ngư nghiệp, hộ khác.
 D. tăng tỉ lệ hộ công nghiệp-xây dựng, dịch vụ, hộ khác và giảm tỉ lệ hộ nông-lâm-ngư nghiệp.

Câu 23: Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết tỉnh nào sau đây không thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Thanh Hóa. B. Quảng Trị. C. Quảng Ngãi. D. Hà Tĩnh.

Câu 24: Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN PHÂN THEO HOẠT ĐỘNG CỦA DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

(Đơn vị: %)

Năm	1995	2012
-----	------	------

Tiêu chí		
Khai thác	97,64	90,2
Nuôi trồng	2,36	9,8
Tổng cộng	100	100

Để thể hiện cơ cấu sản lượng thủy sản của vùng năm 1995 và năm 2012, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Biểu đồ kết hợp. B. Biểu đồ miền. C. Biểu đồ đường. D. Biểu đồ tròn.

Câu 25: Đông Nam Bộ có thể phát triển mạnh cả cây công nghiệp lâu năm lẫn cây công nghiệp ngắn ngày nhờ

- A. nguồn lao động dồi dào, có truyền thống kinh nghiệm.
- B. có nhiều diện tích đất đỏ ba dan và đất xám phù sa cổ.
- C. có nhiều cơ sở công nghiệp chế biến nhất nước.
- D. có khí hậu nhiệt đới ẩm mang tính chất cận Xích đạo.

Câu 26: Diện tích đất chuyên dùng được mở rộng chủ yếu là từ

A. diện tích mặt nước. B. đất lâm nghiệp. C. đất nông nghiệp. D. đất hoang hoá. **Câu 27:**

Việt Trì là một trung tâm công nghiệp

- A. không phải là một trung tâm công nghiệp, chỉ là một điểm công nghiệp.
- B. có quy mô rất nhỏ, chỉ có ý nghĩa địa phương.
- C. có quy mô trung bình có ý nghĩa vùng.
- D. có quy mô lớn, có ý nghĩa quốc gia.

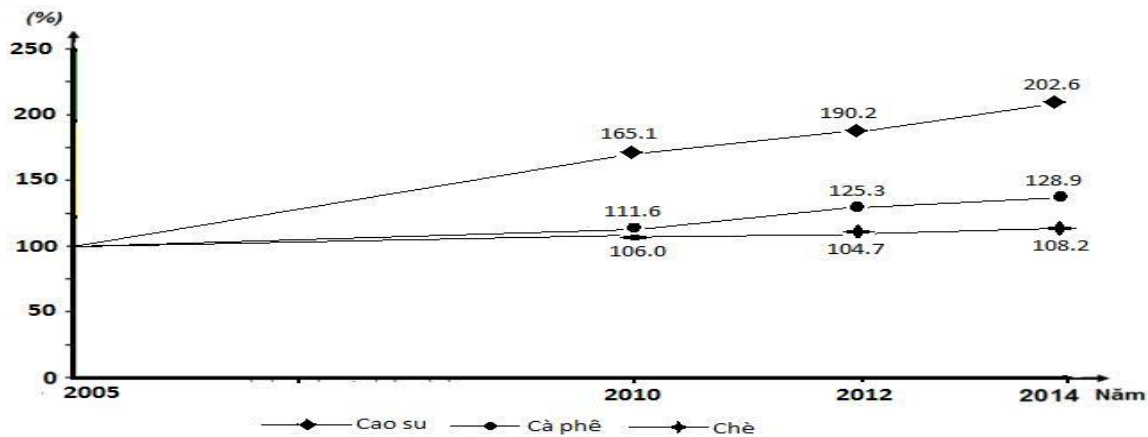
Câu 28: Ý nào sau đây **không đúng** với điều kiện kinh tế - xã hội của vùng Tây Nguyên?

- A. Địa bàn cư trú của nhiều dân tộc ít người.
- B. Là vùng thưa dân cư nhất nước ta.
- C. Mức sống của nhân dân còn thấp, tỉ lệ người chưa biết đọc biết viết còn cao.
- D. Nhiều lao động lành nghề, cán bộ khoa học kĩ thuật.

Câu 29: Căn cứ vào bản đồ thủy sản (năm 2007) trang 20 của Atlas Địa lí Việt Nam, hãy cho biết tỉnh nào sau đây ở Đồng bằng sông Cửu Long có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất?

A. Đồng Tháp. B. An Giang. C. Cà Mau. D. Bạc Liêu.

Câu 30: Cho biểu đồ



Tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta, giai đoạn 2005 - 2014

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Diện tích gieo trồng cây cà phê, chè và cao su tăng như nhau.
- B. Cây chè có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất và ổn định.
- C. Diện tích gieo trồng cây cà phê, chè và cao su đều tăng.
- D. Cây cà phê có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn cây cao su.

Câu 31: Vùng có tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn thấp hơn mức trung bình của cả nước là

A. Đông Nam Bộ. B. Bắc Trung Bộ.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 32: Ngành nuôi trồng thủy sản phát triển mạnh ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long vì

A. có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. B. ít chịu ảnh hưởng của thiên tai.

C. có nguồn tài nguyên thủy sản phong phú. D. có hai mặt giáp biển, ngư trường lớn. **Câu 33:** Để khắc phục hạn chế do mùa khô kéo dài, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, vấn đề quan trọng cần quan tâm ở Đông Nam Bộ là

- A. cải tạo đất, thay đổi cơ cấu cây trồng. B. thủy lợi, thay đổi cơ cấu cây trồng.
C. thay đổi cơ cấu cây trồng, chống xói mòn. D. áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến, thủy lợi.

Câu 34: Đông Nam Bộ trở thành vùng dẫn đầu cả nước về hoạt động công nghiệp nhờ

- A. có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất nước.
B. khai thác một cách có hiệu quả các thế mạnh vốn có.
C. có dân số đông, lao động dồi dào và có trình độ tay nghề cao.
D. giàu có nhất nước về nguồn tài nguyên thiên nhiên.

C. mới được hình thành trong thập niên 70 của thế kỉ XX.

D. tiềm năng trữ lượng lớn nhưng quy mô khai thác nhỏ.

Câu 36: Ý nào sau đây **không đúng** với đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Có nhiều bán đảo, vũng vịnh, nhiều bãi biển đẹp.
B. Lãnh thổ hẹp ngang, đồng bằng nhỏ hẹp.
C. Có nhiều khoáng sản.
D. Nhiều tiềm năng để phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

Câu 37: Ý nào sau đây không đúng với vị trí địa lí của vùng đồng bằng sông Hồng? A. Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm.

B. Giáp với các vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.

C. Giáp Vịnh Bắc Bộ (Biển Đông).

D. Giáp với Thượng Lào.

Câu 38: Thị trường nhập khẩu chủ yếu của nước ta hiện nay là

A. Các nước ASEAN. B. Các nước EU. C. Hoa Kỳ. D. Trung Quốc. **Câu 39:** Đa dạng hoá nông nghiệp sẽ có tác động

- A. tạo nguồn hàng tập trung cho xuất khẩu.
B. giảm thiểu rủi ro trước biến động của thị trường.
C. giảm bớt tình trạng độc canh.
D. tạo điều kiện cho nông nghiệp hàng hoá phát triển.

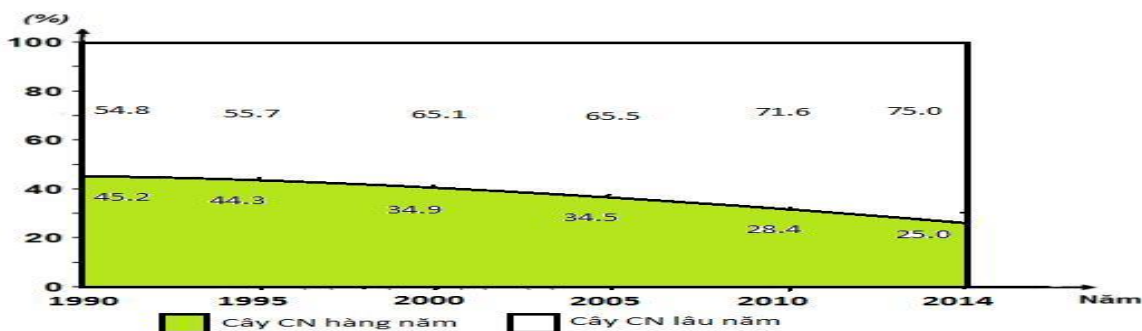
A. hệ thống các công trình thủy lợi, các trạm bảo vệ cây trồng, vật nuôi, các nhà máy, xí nghiệp với quy mô nhỏ bé, phân bố rải rác khắp vùng.

B. các đô thị phân lớn có quy mô vừa và nhỏ, chưa có đô thị lớn.

C. công nghiệp trong vùng mới trong giai đoạn hình thành, với các trung tâm công nghiệp nhỏ và điểm công nghiệp.

D. mạng lưới đường giao thông, các cơ sở dịch vụ y tế, giáo dục, dịch vụ kỹ thuật còn thiếu thốn nhiều.

Câu 41: Cho biểu đồ



Biểu đồ thể hiện cơ cấu diện tích gieo trồng cây công nghiệp hàng năm, lâu năm của nước ta giai đoạn 1990 - 2014

Căn cứ vào biểu đồ, hãy cho biết nhận xét nào dưới đây không đúng về cơ cấu diện tích gieo trồng cây công nghiệp ở nước ta trong giai đoạn 1990 – 2014?

- A. Cây công nghiệp lâu năm chiếm ưu thế trong cơ cấu diện tích cây công nghiệp ở nước ta.
- B. Cơ cấu diện tích cây công nghiệp của nước ta có sự chuyển dịch rõ rệt.
- C. Tỉ trọng diện tích cây CN hàng năm chiếm ưu thế giai đoạn 1900 -1995 nhưng có xu hướng giảm dần.
- D. Tỉ trọng diện tích cây công nghiệp lâu năm có xu hướng tăng liên tục.

Câu 42: Số dân ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2006 là hơn

- A. 13 triệu người. B. 12 triệu người. C. 11 triệu người. D. 14 triệu người.
- Câu 43:** Ý

nào sau đây không đúng với quá trình đô thị hóa ở nước ta?

- A. từ 1954 đến 1975, ở miền Bắc, đô thị gắn liền với quá trình công nghiệp hóa trên cơ sở mạng lưới đô thị đã có.
- B. từ 1975 đến nay, quá trình đô thị hóa có sự chuyển biến khá tích cực.
- C. từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945 đến 1954, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh, các đô thị có sự thay đổi nhiều.
- D. vào thời phong kiến, một số đô thị Việt Nam được hình thành ở những nơi có vị trí địa lí thuận lợi, với các chức năng chính là hành chính, thương mại, quân sự.

- A. Vùng có các đồng bằng rộng lớn ven biển. B. Tất cả các tỉnh trong vùng đều giáp biển.
- C. Vùng có biển rộng lớn phía Đông. D. Ở phía Tây của vùng có đồi núi thấp.

Câu 45: Huyện đảo thuộc vùng Đông Nam Bộ là

- A. Vân Đồn. B. Phú Quý. C. Phú Quốc. D. Côn Đảo.

Câu 46: Từ khi Việt Nam gia nhập WTO, thì vai trò của thành phần kinh tế nào ngày càng quan trọng trong giai đoạn mới của đất nước?

- A. Kinh tế tập thể. B. Kinh tế tư nhân.
- C. Kinh tế cá thể. D. Kinh tế có vốn đầu tư của nước ngoài.

Câu 47: Cây rau màu ôn đới được trồng ở đồng bằng sông Hồng vào vụ

- A. Mùa. B. Đông. C. Hè thu. D. Đông xuân.

Câu 48: Tài nguyên du lịch nhân văn ở đồng bằng sông Hồng đa dạng và phong phú, tập trung nhiều

- A. di tích, lễ hội, làng nghề truyền thống. B. các di tích lịch sử - văn hóa.
- C. làng nghề truyền thống. D. lễ hội.

Câu 49: Loại cây công nghiệp dài ngày mới trồng nhưng đang phát triển mạnh ở Tây Bắc là

- A. Cà phê chè. B. Cao su. C. Chè. D. Bông.

Câu 50: Hiện nay cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển ở Bắc Trung Bộ đang có sự thay đổi rõ nét, chủ yếu nhờ vào việc phát triển

- A. nuôi trồng thủy sản nước lợ, mặn. B. công nghiệp khai khoáng.
- C. nghề thủ công truyền thống. D. đánh bắt thủy sản.

Câu 51: Tỉ lệ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn nước ta ngày càng tăng nhờ

- A. việc thực hiện công nghiệp hoá nông thôn.
- B. chất lượng lao động ở nông thôn đã được nâng lên.
- C. việc đa dạng hoá cơ cấu kinh tế ở nông thôn.
- D. thanh niên nông thôn đã bỏ ra thành thị tìm việc làm.

Câu 52: Đồng bằng sông Cửu Long ít xảy ra

- A. hạn hán B. xâm nhập mặn. C. bão. D. lũ lụt.

Câu 53: Đây là biện pháp quan trọng để có thể vừa tăng sản lượng thủy sản vừa bảo vệ nguồn lợi thủy sản

- A. đẩy mạnh phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến.
- B. tăng cường đánh bắt, phát triển nuôi trồng và chế biến.
- C. hiện đại hoá các phương tiện tăng cường đánh bắt xa bờ.
- D. tăng cường và hiện đại hoá các phương tiện đánh bắt.

Câu 54: Từ Bắc vào Nam, đường quốc lộ 1A đi qua lần lượt các tỉnh thành

- A. Bắc Giang, Hà Nam, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Cần Thơ.

B. Bắc Giang, Phú Thọ, Thái Bình, Hà Tĩnh, Đồng Nai.

C. Hà Nam, Hà Tĩnh, Bắc Giang, Cần Thơ, An Giang.

D. Hà Tĩnh, Hà Nam, Bắc Giang, Đồng Nai, Cần Thơ.

Câu 55: Sự phân chia các trung tâm công nghiệp thành 3 nhóm là dựa vào

A. hướng chuyên môn hoá và quy mô của các trung tâm.

B. sự phân bố các trung tâm trên phạm vi lãnh thổ.

C. vai trò của các trung tâm trong phân công lao động theo lãnh thổ.

D. quy mô và chức năng của các trung tâm.

A. Một số tài nguyên thiên nhiên bị xuống cấp.

B. Là vùng thiếu nguyên liệu cho việc phát triển công nghiệp.

C. Là vùng chịu tác động của nhiều thiên tai nhiệt đới.

D. Tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng.

Câu 57: Nước ta 3/4 diện tích là đồi núi lại có nhiều rừng ngập mặn, rừng phi lao ven biển cho nên

A. lâm nghiệp có mặt trong cơ cấu kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ.

B. rừng ở nước ta rất dễ bị tàn phá.

C. việc trồng và bảo vệ rừng sử dụng một lực lượng lao động đông đảo.

D. lâm nghiệp có vai trò quan trọng hàng đầu trong cơ cấu nông

ng nghiệp. **Câu 58:** Đường dây 500 KV được xây dựng nhằm mục đích

A. đưa điện về phục vụ cho nông thôn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa.

B. khắc phục tình trạng mất cân đối về điện năng của các vùng lãnh thổ.

C. kết hợp giữa nhiệt điện và thủy điện thành mạng lưới điện quốc gia.

D. tạo ra một mạng lưới điện phủ khắp cả nước.

A. đất, khí hậu, tài nguyên biển, khoáng sản.

B. đất, khí hậu, nguồn nước, sinh vật.

C. đất, rừng, nguồn nước, khoáng sản.

D. đất, khí hậu, nguồn nước, khoáng sản.

Câu 60: Vùng phát triển công nghiệp mạnh nhất ở nước ta là

A. Bắc Trung Bộ.

B. Đông Nam Bộ.

C. Đồng bằng sông Hồng.

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 61: Ý nào sau đây không đúng với điều kiện kinh tế-xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Mật độ dân số tương đối thấp.

B. Dân có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, trồng cây công nghiệp.

C. Tập trung rất nhiều cơ sở công nghiệp chế biến.

D. Điều kiện giao thông tương đối thuận lợi.

Câu 62: Về điều kiện kinh tế - xã hội, điểm nào sau đây **không đúng** với Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Cơ cấu hạ tầng tương đối hoàn thiện.

B. Đang có sự thu hút được các dự án của nước ngoài.

C. Là vùng có nhiều dân tộc ít người sinh sống.

D. Chịu nhiều sự tổn thất về người và của trong chiến tranh.

Câu 63: Vấn đề cần đặc biệt chú ý trong quá trình phát triển ngư nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ là

A. khai thác hợp lý, đi đôi với việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

B. giảm việc khai thác để duy trì trữ lượng thủy sản.

C. ngừng hẳn việc đánh bắt ven bờ, đầu tư cho đánh bắt xa bờ.

D. hạn chế việc nuôi trồng để bảo vệ môi trường ven

biển. **Câu 64:** Dầu khí ở Đông Nam Bộ được khai thác ở

A. vùng ngoài khơi.

B. vùng cửa sông.

C. trên đất liền.

D. thềm lục địa.

Câu 65: Ý nào sau đây **không đúng** với đặc điểm đô thị hóa ở nước ta?

A. Trình độ đô thị hóa thấp.

B. Quá trình đô thị hóa diễn ra chậm chạp.

C. Phân bố đô thị đều giữa các vùng.

D. Tỷ lệ dân thành thị tăng.

Câu 66: Hiện nay, sự phân bố các hoạt động du lịch của nước ta phụ thuộc nhiều nhất vào

A. sự phân bố các ngành sản xuất.

B. sự phân bố các tài nguyên du lịch.

C. sự phân bố các trung tâm thương mại, dịch vụ. D. sự phân bố dân cư.

Câu 67: Hình thành các vùng chuyên canh đã thể hiện

- A. sự khai thác có hiệu quả hơn nền nông nghiệp nhiệt đới của nước ta.
- B. sự phân bố cây trồng cho phù hợp hơn với các vùng sinh thái nông nghiệp.
- C. sự thay đổi cơ cấu cây trồng cho phù hợp với điều kiện sinh thái nông nghiệp.
- D. cơ cấu cây trồng đang được đa dạng hoá cho phù hợp với nhu cầu thị trường.

Câu 68: Đây là phương thức truyền dẫn cổ điển, hiện nay được thay thế bằng các phương

- A. Cáp quang. B. Dây trần. C. Viba. D. Viễn thông quốc tế.

Câu 16: Đây là tỉnh không nằm trong vùng công nghiệp số 3 theo quy hoạch của Bộ Công nghiệp

- A. Ninh Thuận. B. Thừa Thiên - Huế. C. Đà Nẵng. D. Hà Tĩnh.

Câu 69: Dựa vào Atlas

- A. Thanh Hóa, Vinh, Huế, Bim Sơn. B. Vinh, Huế, Bim Sơn, Thanh Hóa.

- C. Bim Sơn, Huế, Thanh Hóa, Vinh. D. Bim Sơn, Thanh Hóa, Vinh, Huế.

Câu 70: Tỉnh trọng điểm về nghề cá ở Bắc Trung Bộ là

- A. Quảng Bình. B. Hà Tĩnh. C. Nghệ An. D. Thanh Hóa.

Câu 71: Xu hướng chung của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo chiều hướng tích cực của đồng bằng sông Hồng là

- A. giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và III.
- B. giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II, giảm tỉ trọng khu vực III.
- C. tăng tỉ trọng khu vực I, giảm tỉ trọng khu vực II và III.
- D. tăng tỉ trọng khu vực I và II, giảm tỉ trọng khu vực III.

- A. Bắc Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.

- C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đông Nam Bộ.

Câu 73: Ý nào sau đây **không đúng** với vùng trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Chiếm 30,5% số dân cả nước.
- B. Gồm hai vùng Đông Bắc và Tây Bắc.
- C. Gồm có 15 tỉnh.
- D. Diện tích lớn nhất nước ta (trên 101 nghìn km²).

Câu 74: Khoáng sản của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ chủ yếu là các loại

- A. kim loại màu. B. kim loại đen. C. vật liệu xây dựng. D. năng lượng.

Câu 75: Tây Nguyên là vùng

- A. có trữ năng thủy điện khá. B. có một mùa đông lạnh.
- C. có độ che phủ rừng thấp. D. giàu tài nguyên khoáng sản.

Câu 76: Biểu hiện của khai thác theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ là vấn đề

- A. đa dạng hóa các loại hình phục vụ. B. phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải.
- C. phát triển cơ sở năng lượng. D. xây dựng các công trình thủy lợi lớn.

Câu 77: Đây là trung tâm công nghiệp có quy mô lớn nhất của Duyên hải miền Trung

- A. Đà Nẵng. B. Vinh. C. Nha Trang. D. Thanh Hoá.

- A. nước ta có nguồn lao động dồi dào trong khi chất lượng lao động chưa cao.
- B. số lượng lao động cần giải quyết việc làm hằng năm cao hơn số việc làm mới.
- C. nước ta có nguồn lao động dồi dào trong khi nền kinh tế còn chậm phát triển.
- D. tỉ lệ thất nghiệp và tỉ lệ thiếu việc làm trên cả nước còn rất lớn.

Câu 79: Vùng nông nghiệp và công nghiệp chế biến có trình độ thâm canh thấp là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- C. Bắc Trung Bộ. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 80: Dựa vào Atlas trang 27, ngành chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP ở vùng Bắc Trung Bộ

- A. nông, lâm nghiệp, thủy sản. B. kinh tế biển.
- C. dịch vụ. D. công nghiệp và xây dựng.

- A. khai thác tốt nhất các nguồn lực tự nhiên và kinh tế xã hội.

- B. đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng cao.
- C. nâng cao hiệu quả khai thác lãnh thổ.
- D. đẩy mạnh đầu tư vốn, công nghệ.

- A. thủy điện.
- B. nhiệt điện chạy bằng khí thiên nhiên.
- C. điện chạy bằng dầu nhập khẩu.
- D. nhiệt điện chạy bằng than.

Câu 7: Khoáng sản chủ yếu của Đồng bằng sông Cửu Long đang được khai thác là

- A. Đá vôi, than bùn.
- B. Dầu khí, titan.
- C. Dầu khí, than bùn.
- D. Đá vôi, dầu khí.

Câu 83: Tỉnh nào của vùng duyên hải Nam Trung Bộ có trữ lượng lớn cát làm thủy tinh?

- A. Quảng Ngãi.
- B. Quảng Nam.
- C. Khánh Hòa.
- D. Bình Thuận.

Câu 84: Trong cơ cấu nông nghiệp theo ngành ở đồng bằng sông Hồng, ngành giữ vị trí hàng đầu là ngành

- A. chăn nuôi.
- B. trồng cây lương thực.
- C. trồng cây công nghiệp.
- D. nuôi trồng thủy sản.

Câu 85: Nước ta có khoảng 4 vạn di tích văn hóa - lịch sử, trong đó số di tích đã được nhà nước xếp hạng là

- A. 2400.
- B. 2500.
- C. 2600.
- D. 2700.

Câu 86: Mật độ dân số ở miền núi của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ là khoảng:

- A. 50-100 người/km².
- B. 100-150 người/km².
- C. 150-200 người/km².
- D. 200-250 người/km².

Câu 87: Yếu tố tự nhiên nào quyết định đến việc phát triển thế mạnh trồng rau quả cận nhiệt và ôn đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ ?

- A. Đất feralit màu mỡ.
- B. Lượng mưa, độ ẩm lớn.
- C. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.
- D. Địa hình đồi núi là chủ yếu.

- A. bể trầm tích Cửu Long.
- B. bể trầm tích Trung Bộ.
- C. bể trầm tích Nam Côn Sơn.
- D. bể trầm tích Thổ Chu - Mã Lai.

Câu 89: Sản lượng lương thực bình quân đầu người ở đồng bằng sông Hồng thấp hơn mức trung bình của cả nước do

- A. diện tích đất canh tác khá lớn.
- B. đất chuyên dùng và đất thổ cư có xu hướng giảm.
- C. người dân có nhiều kinh nghiệm và truyền thống canh tác.
- D. dân số thuộc loại đông của cả nước.

Câu 90: Đây là một trong những phương hướng nhằm hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp nước ta

- A. cân đối tỉ trọng giữa nhóm A và nhóm B.
- B. đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.
- C. tăng nhanh tỉ trọng các ngành công nghiệp nhóm A.
- D. xây dựng một cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.

- A. Quảng Nam, Đà Nẵng.
- B. Nha Trang, Khánh Hòa.
- C. Đà Nẵng, Nha Trang.
- D. Bình Thuận, Đà Nẵng.

Câu 92: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, vùng Bắc Trung Bộ có

- A. 7 tỉnh
- B. 8 tỉnh.
- C. 5 tỉnh
- D. 6 tỉnh

Câu 93: Đây là một cảng sông nhưng lại được xem như một cảng biển

- A. Vũng Tàu.
- B. Nha Trang.
- C. Sài Gòn.
- D. Đà Nẵng.

Câu 94: Đây không phải là biện pháp quan trọng nhằm giải quyết việc làm ở nông thôn A. coi trọng kinh tế hộ gia đình, phát triển nền kinh tế hàng hoá.

- B. đa dạng hoá các hoạt động sản xuất địa phương.
- C. phân chia lại ruộng đất, giao đất giao rừng cho nông dân.
- D. thực hiện tốt chính sách dân số, sức khoẻ sinh sản.

Câu 95: Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp của nước ta năm 2005, chiếm tỉ trọng từ cao xuống thấp lần lượt là

- A. dịch vụ nông nghiệp, chăn nuôi, trồng trọt. B. trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp.
C. chăn nuôi, trồng trọt, dịch vụ nông nghiệp. D. chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp, trồng trọt.

Câu 96: Đây không phải là tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa đến nông nghiệp của nước ta

- A. cho phép áp dụng các hệ thống canh tác khác nhau giữa các vùng.
B. làm cho nông nghiệp nước ta song hành tồn tại hai nền nông nghiệp.
C. làm tăng tính chất bấp bênh vốn có của nền nông nghiệp.
D. tạo điều kiện cho hoạt động nông nghiệp thực hiện suốt năm.

Câu 97: Ở nước ta trong thời gian qua, diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng nhanh hơn cây công nghiệp hằng năm cho nên

- A. cây công nghiệp hằng năm có vai trò không đáng kể trong nông nghiệp.
B. cơ cấu diện tích cây công nghiệp mất cân đối trầm trọng.
C. sản phẩm cây công nghiệp hằng năm không đáp ứng được yêu cầu.
D. sự phân bố trong sản xuất cây công nghiệp có nhiều thay đổi.

D. Cố đô Huế, Nhã nhạc cung đình Huế.

Câu 99: Các địa điểm dưới đây, nơi nào là một điểm công nghiệp ?

- A. Hạ Long. B. Tĩnh Túc. C. Bắc Giang. D. Quy Nhơn.

Câu 28: Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất ở Tây Nguyên là

- A. Yali. B. Đa Nhim. C. Đồng Nai 4. D. Buôn Kuốp.

Câu 100: Cho bảng số liệu

Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nước ta trong giai đoạn 1990 – 2005

(Đơn vị %)

Khu vực kinh tế	1990	1991	1995	1997	1998	2002	2005
Nông-lâm-ngư nghiệp	38,7	40,5	27,2	25,8	25,8	23,0	21,0
Công nghiệp-xây dựng	22,7	23,8	28,8	32,1	32,5	38,5	41,0
Dịch vụ	38,6	35,7	44,0	42,1	41,7	38,5	38

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nước ta trong giai đoạn 1990 – 2005 là

- A. Cột ghép B. Đường C. Miền D. Tròn

Câu 101: Vai trò quan trọng nhất của rừng đầu nguồn là

- A. điều hoà nguồn nước của các sông. B. cung cấp gỗ và lâm sản quý.
C. điều hoà khí hậu, chắn gió bão. D. tạo sự đa dạng sinh học.

Câu 102: So với các nước ở cùng khu vực, tỉ lệ dân số đô thị nước ta ở mức

- A. thấp. B. trung bình. C. cao. D. rất thấp.

Câu 103: Thế mạnh nào sau đây không phải của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Phát triển tổng hợp kinh tế biển và du lịch.
B. Trồng và chế biến cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới.
C. Chăn nuôi gia cầm (đặc biệt là vịt đàn).
D. Khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện.

B. Nằm sát dải duyên hải Nam Trung Bộ.

C. Giáp với vùng Đông Nam Bộ.

D. Giáp biển Đông.

Câu 105: Vùng tập trung than nâu với quy mô lớn ở nước ta là

- A. Lạng Sơn. B. Quảng Ninh.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Cà Mau.

- A. tăng cường giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề trong trường phổ thông.
B. việc tăng cường xuất khẩu lao động sang các nước phát triển.
C. việc đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.
D. những thành tựu trong phát triển văn hoá, giáo dục, y tế.

Câu 107: Yếu tố khí hậu cũng ảnh hưởng đến tổ chức lãnh thổ công nghiệp vì

- A. ảnh hưởng đến các nguồn nguyên liệu.
B. chi phối việc chọn lựa kỹ thuật và công nghệ.
C. chi phối quy mô và cơ cấu của các xí nghiệp công nghiệp.
D. thiên tai thường gây tổn thất cho sản xuất công nghiệp. **Câu**

108: Cây công nghiệp quan trọng nhất ở Đông Nam Bộ là

- A. Dừa. B. Chè. C. Cà phê. D. Cao su.

C. lãnh thổ hẹp, bị chia cắt bởi các núi đâm ngang biển.

D. lãnh thổ hẹp, nằm ở sườn đông Trường Sơn, giáp biển.

Câu 110: Khu vực chiếm tỉ trọng cao nhất trong hoạt động nội thương của nước ta là

- A. Nhà nước. B. Tập thể. C. Tư nhân, cá thể. D. Nước ngoài.

Câu 111: Di sản văn hóa thế giới ở Tây Nguyên là

- A. Nhà Rông. B. Lễ hội già làng. C. Nhà ngục Kon Tum. D. Cồng chiêng.

Câu 112: Yếu tố chính tạo ra sự khác biệt trong cơ cấu sản phẩm nông nghiệp giữa Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên là

- A. trình độ thâm canh. B. đặc điểm về đất đai và khí hậu.
C. điều kiện về địa hình. D. truyền thống sản xuất của dân cư.

Câu 113: Thành Thăng Long xuất hiện vào thế kỉ

- A. XI. B. IX. C. XII. D. X.

Câu 114: Kinh tế nông thôn hiện nay dựa chủ yếu vào

- A. hoạt động công nghiệp. B. hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp.
C. hoạt động công nghiệp và dịch vụ. D. hoạt động dịch vụ.

Câu 115: Đây là các cảng biển nước sâu của nước ta kể theo thứ tự từ Bắc vào

- Nam A. Cái Lân, Nghi Sơn, Vũng Áng, Chân Mây, Dung Quất. B. Nghi Sơn, Cái Lân, Vũng Áng, Chân Mây, Dung Quất.
C. Vũng Áng, Nghi Sơn, Chân Mây, Dung Quất, Cái Lân.
D. Cái Lân, Vũng Áng, Nghi Sơn, Dung Quất, Chân Mây.

Câu 116: Trung tâm kinh tế - chính trị và du lịch của Đồng bằng sông Cửu Long là

A. Cần Thơ. B. Hậu Giang. C. Cà Mau. D. Vĩnh Long. **Câu 117:** Ngự trường trọng điểm số 1 của nước ta là

- A. Hoàng Sa - Trường Sa.
B. Kiên Giang- Cà Mau.
C. Ninh Thuận - Bình Thuận - Bà Rịa - Vũng Tàu.
D. Quảng Ninh - Hải Phòng.

- A. phần đất nằm trong phạm vi tác động trực tiếp của sông Tiền, sông Hậu và đồng bằng Cà Mau.
B. phần đất nằm giữa sông Tiền, sông Hậu và dải đất ven biển.
C. phần đất dọc sông Tiền, sông Hậu và phần đất giáp Đông Nam Bộ.
D. phần đất nằm trong phạm vi tác động trực tiếp của sông Tiền, sông Hậu và phần đất nằm ngoài phạm vi tác động đó.

Câu 119: Tỉ trọng của ngành trồng trọt trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp của nước ta (2005) là

- A. 52,3%. B. 73,5%. C. 61,4%. D. 46,8%

Câu 120: Các trung tâm công nghiệp chủ yếu của Bắc Trung Bộ là

- A. Huế, Vinh, Dung Quất. B. Thanh Hóa - Bỉm Sơn, Huế, Đông Hà.
C. Thanh Hóa - Bỉm Sơn, Vinh, Đà Nẵng. D. Huế, Vinh, Thanh Hóa - Bỉm Sơn.

Câu 121: Đàn trâu của Bắc Trung Bộ chiếm (phần) đàn trâu cả nước là

- A. 1/5. B. 1/4 C. 1/2. D. 2/3.

Câu 122: Công nghiệp điện tử thuộc nhóm ngành

- A. công nghiệp chế biến và hàng tiêu dùng. B. công nghiệp vật liệu.
C. công nghiệp năng lượng. D. công nghiệp sản xuất công cụ lao động.

Câu 123: Vùng Tây Nguyên có diện tích là 54 641 km², dân số năm 2014 là 5 525 800 người, mật độ dân số trung bình bao nhiêu người/ km²?

- A. 101 người/km². B. 103 người/km². C. 110 người/km². D. 104 người/km².

Câu 124: Tỉnh nào sau đây của đồng bằng sông Hồng **không** giáp biển?

- A. Hưng Yên, Hải Dương. B. Hà Nam, Bắc Ninh.
C. Hà Nam, Ninh Bình. D. Nam Định, Bắc Ninh.

Câu 125: Biểu hiện nào sau đây **không** nói lên được sự giàu có của tài nguyên du lịch về mặt sinh vật của nước ta?

- A. Nhiều nguồn nước khoáng, nước nóng.
B. Nhiều loài động vật hoang dã, thủy hải sản.
C. Có nhiều hệ sinh thái khác nhau.
D. Hơn 30 vườn quốc gia.